

Phụ lục 2 và phụ lục 3 (Tiếp)

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CSGD TRẺ 4-5 TUỔI

A. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1.Mục tiêu:

1.1 Tổ chức bữa ăn

- 100% trẻ ăn bán trú tại trường, không để trẻ xảy ra thương tích hay ngộ độc thực phẩm.
- Tổ chức các bữa ăn cho trẻ đảm bảo theo quy định, đủ năng lượng của trẻ trong ngày, cung cấp dinh dưỡng giúp trẻ phát triển cân đối, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng . Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ đạt tỉ lệ Kcal từ 615- 726 Kcal trẻ/ ngày.
- Thực hiện ký hợp đồng với nhà cung cấp thực phẩm. Đảm bảo 100% nguồn thực phẩm tươi ngon rõ nguồn gốc đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh.
- Thực hiện tốt 3 bước, lưu đủ mẫu thức ăn hằng ngày theo quy định.
- Giáo viên cung cấp cho trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm; trẻ kể được một số dạng chế biến thông thường và lợi ích của các loại thực phẩm.
- Giáo viên rèn cho trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, dạy trẻ làm một số việc tự phục vụ trong tổ chức bữa ăn; trẻ biết phân loại các đồ dùng ăn uống.

1.2 Tổ chức giấc ngủ

- Giúp trẻ có giấc ngủ tốt với khoảng thời gian 150 phút, đảm bảo sức khỏe, giúp trẻ phát triển toàn diện
- Trẻ có thói quen chuẩn bị cho giấc ngủ tốt và sau khi ngủ dậy

1.3 Tổ chức vệ sinh

- Giáo viên giúp trẻ có thói quen vệ sinh vệ sinh, có một số hành vi tốt trong vệ sinh, biết giữ gìn cơ thể khỏe mạnh.
- Trẻ biết thực hiện vệ sinh hằng ngày và khi thấy bẩn; trẻ thực hiện các thao tác VS có kỹ năng tốt.

1.4 Chăm sóc sức khỏe

- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe và sự an toàn. Trẻ có một số kiến thức về phòng bệnh thông thường.

2.Chuẩn bị:

- Tổ chức bữa ăn: Giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho bữa ăn
- Tổ chức giấc ngủ: Giáo viên phải chuẩn bị tâm thế cho trẻ, các đồ dùng phục vụ tốt cho giờ ngủ

-Tổ chức vệ sinh: Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh, nước sạch nước sát khuẩn...

- Chăm sóc sức khỏe: Giáo viên thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ.

3. Nội Dung

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên	CBQL, Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Tổ chức cho trẻ vệ sinh rửa tay lau mặt sạch sẽ. - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...Cô khuyến khích động viên trẻ cùng kê bàn, trang trí bàn ăn cùng với cô. - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
--	--	--	--

2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tăng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng).	Giáo viên và bảo vệ	

	- Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn.		
--	---	--	--

	+ Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hàng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ô màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng, chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	- Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	---	--	--

5. Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng	- Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ - Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe của trẻ	- CBQL - Giáo viên phụ trách nhóm lớp - Nhân viên y tế - Phụ huynh	
---------------------------------------	--	---	--

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC 4-5 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
* Phát triển vận động	
1. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	Thể dục sáng, bài tập vận động cơ bản - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. - Nhảy lò cò 3m. - Đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.
3. Trẻ phối hợp tốt tay- mắt trong vận động: Tung, đập, ném, bắt bóng.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện(khoảng cách 3m). - Đập và bắt bóng tại chỗ.

	- Ném xa 2m bằng một tay - Ném xa 2m bằng hai tay - Ném trúng đích đứng(xa 1,5m x cao 1,2m) bằng 1 tay - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.
4. Trẻ kiểm soát được vận động đi, chạy	- Chạy đổi hướng theo vật chuẩn - Đi đổi hướng theo vật chuẩn - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy chậm 60- 80m
5. Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1.5cm x 30cm - Trèo lên xuống 5 giống thang - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.
6. Trẻ biết thực hiện các vận động Cuộn, xoay cổ tay, gấp, mở các ngón tay	- Xoay khớp cổ tay, gấp mở các ngón tay - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay - Vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi các mảnh ghép, sợi dây,...
7. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động	- Vẽ hình người, nhà, cây - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10- 12 khối - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc dây dầy, kỹ năng <i>xếp quần áo</i>
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
8. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong 4 nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) Thịt, cá,...có nhiều chất đạm; Rau, quả,...có nhiều vitamin,...
9. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Nhận biết các món ăn trong bữa ăn hàng ngày ở trường và ở nhà.
10. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
11. Trẻ biết thực hiện một số việc khi được nhắc nhở.	- Rèn cho trẻ rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh - Rèn cho trẻ tự lau mặt - Giáo dục trẻ đánh răng sau khi ngủ dậy và sau khi ăn. Tập cho trẻ đánh răng sau khi ăn tại trường - Tập cho trẻ tự mặc áo, thay quần áo khi bị ướt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - <i>Bỏ rác đúng nơi qui định.</i> - <i>Cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định một cách gọn gàng.</i>
12. Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Rèn cho trẻ tự xúc ăn gọn gàng trong các bữa ăn hàng ngày
13. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Dạy trẻ mời cô, mời bạn khi ăn - Trẻ ăn từ tốn, nhai kỹ - Không làm rơi vãi cơm - Không nói chuyện khi ăn - <i>Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau</i>
14. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Dạy trẻ lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Giáo dục trẻ lợi ích của việc ăn mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Dạy trẻ nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh. - Biết giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường sạch sẽ.
15. Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng,...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Dạy trẻ nhận biết các vật dụng nguy hiểm, giáo dục trẻ không đến gần. - Không chơi các vật dụng nguy hiểm.
16. Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, nương nước, bể chứa nước,...là nơi nguy hiểm không được chơi gần	- Dạy trẻ nhận biết những nơi không an toàn, không đến gần những nơi không an toàn như ao, hồ, nương nước, giếng,... - <i>Kỹ năng phòng tránh đuối nước</i>
17. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi bị nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh các hành động nguy hiểm: + Không cười khi ăn, uống + Không ăn thức ăn ôi thiu + Không uống nước lã + Không tự ý uống thuốc + Không đi với người lạ

	+ Không đi ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo - <i>Kỹ năng phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc.</i>
18. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Dạy trẻ nhận ra các trường hợp nguy hiểm: Bị rơi xuống nước, bị bỏng, bị ngã chảy máu,... - Dạy trẻ kỹ năng gọi người giúp đỡ khi gặp phải nguy hiểm. Nói tên bố mẹ, địa chỉ gia đình. - <i>Kỹ năng phòng tránh nguy cơ đuối nước.</i>
19. Cân nặng của trẻ nằm trong kênh A: + Trẻ trai : 14,4 – 23,5 kg. + Trẻ gái : 13,8 – 23,2 kg. - Chiều cao của trẻ nằm trong kênh A. + Trẻ trai : 100,7 – 119,1 cm + Trẻ gái : 99,5 – 117,2 cm.	- Ăn đủ chất dinh dưỡng P, G, L, VTM - Cho trẻ ngủ đủ giấc - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Tiêm chủng phòng bệnh theo quy định. - Tập luyện TDTT thường xuyên.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
* Khám phá khoa học	
20. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây héo? vì sao lá cây ướn?,...	- Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối, với môi trường sống - <i>Quan sát tìm hiểu cây cối, con vật, các sự vật, hiện tượng: mưa, gió, sấm chớp, nắng,..</i> - <i>Các thí nghiệm đơn giản: Vật chìm nổi, sự bay hơi của nước, Hạt nảy mầm và sự phát triển của cây.....</i> - <i>Xem các phim hoạt hình khám phá thế giới động , thực vật và các hiện tượng thiên nhiên</i>
21. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự việc, sự vật, hiện tượng để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Quan sát, tìm hiểu các đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông - Thực hành quy định giao thông, - Quan sát, tìm hiểu các con vật, hiện tượng thời tiết - Quan sát, tìm hiểu cây, người hoa, quả, ném các loại quả,..
22. Trẻ làm một số thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước, màu nước - Đặc điểm tích chất của cát, đá, đất, sỏi. - Sự kỳ diệu của nước; Sự bay hơi của nước; chìm nổi; Tan hay không tan...
23. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Cho trẻ xem sách, tranh ảnh về con vật, cây cối, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông. - Thực hành quy định giao thông - Đặc điểm tích chất của cát, đá, đất, sỏi. - Trò chuyện với trẻ, cho trẻ nhận xét các đối tượng

24. Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2- 3 đồ dùng đồ chơi - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1- 2 dấu hiệu - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1- 2 dấu hiệu - Phân loại các phương tiện giao thông theo 1- 2 dấu hiệu. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Hiện tượng tự nhiên: (Mưa ,lũ quét, sạt lở đất, Bão, lốc xoáy, gió, hạn hán)
25. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi	- Nhận xét kết quả các thí nghiệm đơn giản - Các nguồn nước trong môi trường sống - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Đặc điểm tích chất của cát, đá, đất, sỏi.
26. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
27. Trẻ nói lên được nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - Đặc điểm, ích lợi, tác hại của cây cối, hoa, quả con vật và cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối.
28. Trẻ thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình,...	- Hát, tạo hình, tìm hiểu, các trò chơi về đồ dùng, đồ chơi, các phương tiện giao thông, cây, hoa, quả, con vật với đời sống con người.
* Làm quen với một số khái niệm toán sơ đẳng	
29. Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng.	- Quan sát, đếm, quan tâm đến các con số và số lượng.
30. Trẻ đếm được trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Tạo nhóm có 3 đối tượng, đếm đến 3. Nhận biết chữ số 3 (Số 3 tiết 1) - Tạo nhóm có 4 đối tượng, đếm đến 4. Nhận biết chữ số 4 (Số 4 tiết 1)

	- Tạo nhóm có 5 đối tượng, đếm đến 5. Nhận biết chữ số 5 (Số 5 tiết 1)
31. Trẻ so sánh được, kích thước, số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng + So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 (Số 3 tiết 2) + So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4 (Số 4 tiết 2) + So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 (Số 5 tiết 2) - So sánh kích thước của các đối tượng + Nhận biết, so sánh chiều dài của 3 đối tượng. + Nhận biết, so sánh chiều cao của 3 đối tượng + Nhận biết, so sánh chiều rộng của 3 đối tượng + Nhận biết, so sánh độ lớn của 3 đối tượng
32. Trẻ biết tách, gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Tách gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 3. (Số 3 tiết 3) - Tách gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 4 (Số 4 tiết 3) - Tách gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 (Số 5 tiết 3)
33. Trẻ biết sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng và số thứ tự	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
34. Trẻ nhận biết được ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày(số xe, số điện thoại,...)
35. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
36. Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
37. Trẻ chỉ ra được các điểm giống nhau, khác nhau giữa 3 hình. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa hình tròn và tam giác - So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa hình vuông và chữ nhật - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
38. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác.
39. Trẻ mô tả được các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng- Trưa- Chiều- Tối
* Khám phá xã hội	

40. Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
41. Trẻ nói được họ, tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu gia đình
42. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện	- Tìm hiểu về gia đình bé - Ngôi nhà của bé - Trò chơi: Nhà bạn ở đâu; Về đúng nhà.
43. Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Trường Mầm non Diễn Kỷ thân yêu. - Lớp học của bé - Các hoạt động trong trường Mầm non
44. Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các cô, bác công nhân viên trong nhà trường khi được hỏi, trò chuyện	- Tên và công việc của các cô các bác trong trường
45. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên và đặc điểm của các bạn trong lớp - Các hoạt động của trẻ ở trường
46. Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm, lợi ích của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ biết tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến: nghề Và truyền thống tại địa phương: Sản xuất nông nghiệp, xây dựng, Nghề dịch vụ : lái xe, bán hàng.. Nghề giúp đỡ cộng đồng: Bộ đội , công an, bác sỹ..
47. Trẻ kể được tên và đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Đặc điểm nổi bật của các ngày lễ hội của quê hương, đất nước + Ngày hội bé đến trường + Tết trung thu + Ngày hội của cô giáo + Ngày tết của chú bộ đội + Tết và mùa xuân + Ngày vui 8/3. + Ngày tết thiếu nhi 01/6 + Ngày SN bác Hồ- 19/5
48. Trẻ kể được tên và nêu đặc điểm của một số địa danh của quê hương đất nước, di tích lịch sử ở địa phương.	- Trẻ biết đến một số nét nổi bật , một số di tích, danh lam thắng cảnh của quê hương , đất nước: +Diễn Kỷ quê em: đền thờ họ ngô, nghĩa trang liệt sỹ, sông bùng... Quê hương Nghệ an yêu dấu: quê nội , quê ngoại Bác Hồ, Quảng trường Hồ Chí Minh, kênh nhà lê, bãi biển cửa lò... Giới thiệu đất nước Việt Nam : thủ đô Hà nội, có quần đảo trường sa , hoàng sa....

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
* Nghe và hiểu lời nói	
49. Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp	- Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2- 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày.
50. Trẻ hiểu nghĩa các từ khái quát.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng(đồ dùng, động vật, thực vật...) và các từ biểu cảm. - Nghe hiểu nghĩa các từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ,... - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
51. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
52. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có âm khó - Trả lời được các câu hỏi Ai? cái gì? ở đâu? Khi nào? - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
53. Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,..	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.
54. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày. - Nghe hiểu nội dung câu chuyện: Mèo con đi học, món quà của cô giáo(Tú Anh), thỏ trắng biết lỗi, Ai quan trọng nhất, Ngày đầu đến lớp, Nếu không đi học(Thu Hằng) Cậu bé mũi dài (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Mỗi người một việc (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Gấu con bị sâu răng (Phong theo lời dịch của Tạ Thị Liên) Gấu con chia quà; Niềm vui từ bát canh cải, Cây khế , Bé và chuyện bao ny lông (Diệu an) Người làm vườn và các con trai, Thần sắt, Chú khỉ tinh khôn, Cáo thỏ và gà trống, Sự tích mùa xuân, Cóc kiện trời(Theo truyện thần thoại Việt Nam), Rùa con tìm nhà(Thanh Mai),Chú vịt xám(Thu Thủy), Chuột, gà trống và mèo(Thúy Toàn dịch), Chú dê đen

	Con hãy đợi rồi sẽ biết, Trái cây trong vườn, Cây táo thân, Cây rau của thỏ út, Sự tích hoa mào gà, Chuyện của hoa phù dung (Nguyễn Thái Vân), Sự tích cây khoai lang (Theo báo họa mi), Nỗi đau của lá (Sưu tầm) Kiến con đi xe ô tô, Kiến con thi an toàn giao thông; Một chuyến tham quan... Giọt nước tí xíu, Đám mây xấu xí, Cóc kiện trời Thánh gióng, Quả táo của Bác Hồ; Thế là ngoan - Bày tỏ nhu cầu, hiểu biết, tình cảm của bản thân bằng các loại câu khác nhau - Trả lời câu hỏi và đặt câu hỏi
55. Trẻ kể lại được sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
56. Trẻ đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao	- Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ,...phù hợp với độ tuổi * Chủ đề : Trường mầm non – Tết trung thu Tình bạn (Trần Thị Hương), thư của bé (Hoàng thị dân) Gà học chữ, bé học toán, làm quen chữ số, tình bạn, trăng sáng, Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh) Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương), Bàn tay cô giáo, Cô giáo của con(Chu Huy), Tình bạn(Việt Quỳnh). *Chủ đề: Bản thân Đôi tay của bé, Phải là hai tay (Phạm Cúc), Mắt để làm gì (Phạm Hồ), Miệng xinh(Phạm Hồ), Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương), Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Đi nắng *Chủ đề : Gia đình Lấy tấm cho bà (Định Hải), Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyện), Bó hoa tặng cô, Thăm nhà bà(Như Mao), Quạt cho Bà ngủ (Thạc Quỳ), Khách Cả nhà chống bão (Sưu tầm). *Chủ đề: Nghành nghề Đi bừa; Ước mơ của bé, Em làm thợ xây (Hoàng Dân), Làm bác sỹ (Lê Ngân), Chú giải phóng quân (Cầm Thơ); Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao), Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa), tâm sự của bức tường (Sưu tầm) bé quét rác (Hoàng thị dân) ... *Chủ đề: Động vật Chú gà con (Vương Trọng), Con Trâu (Thanh Thảo), Rong và cá (Phạm Hồ), Con vỏi con voi (Đồng dao), Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng

	Kiên), Cây đào (Nhược Thủy), ong và bướm, chim chích bông *Chủ đề: Thực vật Cây bàng (Xuân Quỳnh), Bó hoa tặng cô, Dừa (Phạm Hồ), Bác bầu bác bí (...), Hoa mào gà (Thanh Hào), Hoa phượng, Ghét bão thương cây (Sưu tầm), Rau ngót rau đay (Hồng Thu sưu tầm). *Chủ đề: Giao thông Xe chữa cháy (Phạm Hồ), Đèn đỏ đèn xanh (Định Hải), Xe đồ rác (Sưu tầm), Xe Càn cầu (Nguyễn Đức), Thuyền Giấy (Sưu tầm), Đoàn tàu lăn bánh (tạ Hữu Yên), Đoàn kiến nó đi (Định Hải), Bé tập đi xe đạp, Em yêu đường sắt quê em, Giúp bà (Hoàng Thị Phảng), Chú cảnh sát giao thông Sưu Tầm) *Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên Trưa hè, Gió (Đặng Hân) Trưa hè (Dạ Thảo), Mùa hè của em (Tuyết Hoa phỏng Trăng ơi từ đâu đến (Trần Đăng Khoa), Ông mặt trời, trắng sáng (Nhược Thủy- Phương Hoa), Mùa hạ tuyết vời (Phạm Hưng Long) Nắng thua em rồi (Sưu tầm), khi cơn bão đến (Sưu tầm), nắng thua em rồi (Sưu tầm) *Chủ đề: Quê hương đất nước Bác Hồ Ai dậy sớm (Võ Quảng), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền nam, Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa), Quê em vùng biển, Buổi sáng, Bác thăm nhà cháu, Em vẽ Bác Hồ,...
57. Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại chuyện đã được nghe
58. Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch
59. Trẻ sử dụng được các từ như: Mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi,...phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
60. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
* Làm quen với đọc- viết	

61. Trẻ biết chọn sách để xem, cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh “đọc” sách theo tranh minh họa.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách sử dụng sách, đọc sách - Đọc truyện qua sách, tranh vẽ - Phân biệt đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách
62. Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
63. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày	- Làm quen một số lý hiệu: Nhà vệ sinh nam, vệ sinh nữ, cấm sờ vào ổ điện, các biển báo giao thông, ký hiệu đồ dùng cá nhân,...
64. Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Làm quen với cách viết tiếng việt - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái.

4. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

65. Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
66. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi, dân ca). - Đi học (Nhạc: Bùi Đình Thảo, Lời: Minh Chính-Bùi Đình Thảo), Cô giáo (Nhạc: Đỗ Mạnh Thường, Lời thơ: Nguyễn Hữu Tường), Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), Ánh trăng hòa bình (Nhạc: Hồ Bắc, Lời: Mộng lân) - Em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh), Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo, Quê hương (Nhạc: Giáp Văn Thạch, Lời thơ: Đỗ Trung Quân), Em là chim câu trắng (Trần ngọc), Nhớ giọng hát Bác Hồ, Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng (Phong Nhã),... - Mưa rơi (Dân ca Xá), Bèo dạt mây trôi (Dân ca Quan họ Bắc Ninh) Dân ca tự chọn,...Pháo bơi, Con kênh xanh xanh, Hạt nắng hạt mưa, Mưa rơi(Dân ca Xá), Ánh trăng hòa bình(Nhạc Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Bốn mùa(Hoàng Long), Bé và trăng (Bùi Anh Tôn), Tôi là gió(Trịnh Tuấn Khanh) - Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến), Bài ca cảnh sát giao thông (Trần Gia Cường), Ngồi

	tựa mạn thuyền (Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Anh phi công ơi (Nhạc: Xuân Giao, Lời thơ: Xuân Quỳnh), Dân ca tự chọn Lý cây bông (Dân ca Nam bộ), Lý chiêu chiêu (Dân ca nam bộ), Đuôi chim (Nhạc: Việt Anh, Lời: Nhược Thủy), Ngày vui 8/3 (Hoàng Văn Yến), Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan họ Bắc Ninh) Ru con (Dân ca Tày, Dịch lời: Nguyễn Ngọc Oánh), Cho con (Nhạc: Phạm Trọng Cầu, Lời: Tuấn Dũng), Niềm vui gia đình (Hoàng Vân), Bó là tất cả (Thập Nhất), Bài ca người giáo viên nhân dân (Nguyễn Minh Châu), Bàn tay mẹ (Nhạc: Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yên), biểu diễn các bài hát theo chủ đề
67. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	- Hát đúng giai điệu bài hát, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. *Chủ đề : Trường mầm non- tết trung thu Vui đến trường (Hồ Bắc), Trường chúng cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên), Hoa trường em (Dương Hưng Bang), Rước đèn dưới trăng (Phạm tuyên) *Chủ đề : Bản thân Cái mũi (nhạc Anh), Càng lớn càng ngoan (Đức Bằng), Nắm tay thân thiết (Nhạc nước ngoài), Mời bạn ăn (Trần Ngọc) Bạn ở đâu?, Hãy xoay nào, Cái mũi, Mời bạn ăn, Bạn có biết tên tôi ? (Lê Đức- Thu Hiền) Mừng sinh nhật(Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung) *Chủ đề : Gia đình Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Nhà của tôi, Cô và mẹ (Phạm Tuyên) Cả nhà đều yêu(Bùi Anh Tôn), Nhà của tôi(Thu Hiền), Bé quét nhà Mẹ Đi Vắng(Nhạc Trịnh Công Sơn- Lời Nguyễn Quang Dũng *Chủ đề : Nghề nghiệp Đi bừa; Ước mơ của bé, Em làm thợ xây (Hoàng Dân), Làm bác sỹ (Lê Ngân), Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ); Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao), Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa), tâm sự của bức tường (Suu tâm) bé quét rác (Hoàng thị dân) ... *Chủ đề : động vật Chú gà con (Vương Trọng), Con Trâu (Thanh Thảo), Rong và cá (Phạm Hồ), Con vỏi con voi (Đồng dao),

	*Chủ đề :Thực vật- Tết và mùa xuân Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ); Cây bắp cải (Nhạc: Thu Hồng, Lời: Phạm Hổ); Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên); Quả (Xanh Xanh); Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu), Quà mừng 8/3 (Hoàng Long). Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên), Cây đào (Nhược Thủy), ong và bướm, chim chích bông *Chủ đề :Giáo thông Lái ô tô (Đoàn Phi); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc: Lương Vĩnh, Ý thơ: Thế Hội); Đường em đi (Nhạc; Ngô Quốc Tính, Lời thơ: Tường Vân); Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường), Lái máy bay *Chủ đề : Nước và hiện tượng thiên nhiên Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Đếm sao (Văn Chung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), Hè đến (Nguyễn Thị Nhung), Mùa hè đến(Nguyễn Thị Nhung *Chủ đề :Quê Hương đất nước – Bác Hồ Lá cờ nhỏ (Tạ Quang Thắng); Em yêu thủ đô (Bảo Trọng); Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) Tìm bài hát về biển đảo - Biểu diễn các bài hát cuối chủ đề <i>- Dạy trẻ hát quốc ca</i>
68. Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức(vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của các bài hát, bản nhạc.
69. Trẻ biết tự lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
70. Trẻ biết chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
71. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,...)của tác phẩm tạo hình.	- Quan sát nhận xét các tác phẩm tạo hình - Tổ ra thích thú và nói được vì sao thích sản phẩm đó.

72. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên để tạo ra các sản phẩm
73. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng kỹ năng vẽ để vẽ, tô màu các bức tranh phù hợp với chủ đề. Chủ đề : Trường mầm non- tết trung thu <i>Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường</i> <i>Tô màu cô giáo và các bạn</i> <i>Vẽ đồ chơi trong lớp học</i> Chủ đề : Bản thân <i>Trang trí áo bé trai- váy bé gái</i> <i>Tô màu vòng đeo cổ</i> Chủ đề : Gia đình <i>Vẽ, tô màu ngôi nhà</i> <i>Vẽ, tô màu người thân trong gia đình</i> Chủ đề : Nghề nghiệp <i>Vẽ, tô màu chú cảnh sát giao thông</i> Chủ đề : Thực vật <i>Vẽ, tô màu cây xanh</i> <i>Vẽ, tô màu rau , củ, quả bé thích</i> <i>Vẽ vườn hoa mùa xuân</i> <i>Vẽ theo đề tài</i> Chủ đề : Động vật <i>Vẽ con mèo</i> <i>Vẽ tô màu con bướm</i> <i>Vẽ, tô màu tàu hỏa</i> <i>Vẽ, tô màu ô tô</i> Chủ đề : Nước hiện tượng tự nhiên <i>Vẽ, tô màu cảnh mùa hè</i> <i>Vẽ chiếc ô</i> Chủ đề : Quê hương đất nước Bác Hồ <i>Trang trí khung ảnh bác hồ</i> <i>Trang trí dây hoa chào mừng 30/4 và 1/5 bằng</i> <i>dấu vân tay</i>
74. Trẻ biết xé , cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	Sử dụng kỹ năng xé, cắt, dán các bức tranh phù hợp với chủ đề: - Cắt dán hàng rào trường MN - Cắt dán đôi tất - Cắt, dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc - Cắt dán ngôi nhà - Gấp và cắt dán phong bì.

	- Xé, dán bông hoa trang trí cửa sổ - Cắt, dán hoa - Xé dán quả - Cắt, dán cái thang cho chú công nhân - Xé, dán trang trí bình hoa tặng cô giáo - Cắt dán trang trí cây thông. - Xé, dán đàn cá - Cắt, dán con vật sống dưới nước - Xé dán máy bay. - Cắt dán cầu vồng. - Xé, dán máy bay trực thăng - Xé, dán mặt trời và những đám mây - Cắt, xé dán trang trí mừng sinh nhật Bác
75. Trẻ biết làm lồi, dô bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng kỹ năng nặn để tạo ra các sản phẩm phù hợp với chủ đề. - Nặn đồ chơi bé thích. - Nặn đồ dùng gia đình(Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống) - Nặn bông hoa. - Nặn các loại quả tròn, quả dài. - Nặn các loại bánh. - Nặn bánh xe.
76. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng gấp , xếp hình để tạo thành các sản phẩm có màu sắc, hình dáng khác nhau	Sử dụng kỹ năng gấp, xếp để tạo ra các sản phẩm có hình dáng khác nhau: - Xếp nhà, xếp đường đi. - Làm bưu thiếp tặng cô giáo. - Gấp con chó. - Gấp ô tô Buýt - Làm chong chóng.
77. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.
78. Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích, đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình
5. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
* Thể hiện ý thức về bản thân	
79. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói sở thích của bản thân, nói được việc trẻ làm được và không làm được
80. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính bản thân - Tên bố mẹ
* Thể hiện sự tự tin, tự lực trong các hoạt động và tham gia hội thi	

81. Trẻ tự chọn đồ chơi và trò chơi theo ý thích	- Tổ chức cho trẻ chơi theo ý thích - Hướng dẫn trẻ chọn đồ chơi và trò chơi theo ý thích
82. Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Phân công trực nhật, thu dọn đồ chơi sau các giờ chơi. - Tổ chức cho trẻ lao động tự phục vụ.
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người	
83. Trẻ nhận biết cảm xúc vui buồn, ngạc nhiên tức giận, sợ hãi qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh	- Cho trẻ nhận xét các biểu lộ cảm xúc qua tranh, qua thái độ của bạn, của cô giáo. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui buồn, ngạc nhiên, tức giận, sợ hãi) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
84. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, tức giận, sợ hãi.	- Biểu lộ, trạng thái, cảm xúc, tình cảm phù hợp qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi; hát vận động; Vẽ, nặn, Xếp hình.
85. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	- Xem tranh ảnh, tư liệu về Bác, lăng Bác. - Giáo dục trẻ kính yêu Bác Hồ.
86. Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.	- Dạy trẻ các bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác
87. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước - Tổ chức cho trẻ tham quan chùa đông, nhà thờ họ Trần, lên hai vai,...
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
88. Trẻ biết và thực hiện một số quy định trong gia đình, trường, lớp mầm non.	- Hướng dẫn trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).
89. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Dạy trẻ cảm ơn khi được giúp đỡ, xin lỗi khi làm sai, phạm lỗi - Phân biệt được hành vi đúng- sai, tốt- xấu - Dạy trẻ biết chào hỏi người lớn tuổi - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình - Kỹ năng chào hỏi lễ phép
90. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép
91. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt không tranh dành bạn, hợp tác với bạn khi chơi
92. Trẻ biết trao đổi, thảo luận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	- Chơi cùng bạn, trực nhật cùng bạn - Quan tâm, giúp đỡ bạn - Phối hợp với nhau thực hiện các nội dung hội thi”Tôi yêu Việt Nam”
* Quan tâm đến môi trường	

93. Trẻ thích chăm sóc con vật, cây cối thân thuộc, không bẻ cành, hái hoa.	- Chăm sóc, bảo vệ con vật, cây cối
94. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định. - Kỹ năng phân loại rác
95. Trẻ không để nước tràn khi rửa tay, tắt quạt, điện khi ra khỏi phòng	- Tiết kiệm điện, nước
Mục tiêu bổ sung nội dung tăng cường	
96. Ngoại ngữ: Trẻ biết nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình	- Làm quen 70 từ tiếng Anh, Số đếm từ 1 đến 5. - Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình. - Nhắc lại một số câu vắn, câu thơ rất đơn giản, quen thuộc. - Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc. - Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản của câu chuyện đã được nghe.
97. Trẻ phát triển được năng khiếu múa	Trẻ nắm được cơ bản các thế tay, chân + Trẻ thực hiện được 2-3 bài múa theo yêu cầu. + Trẻ thực hiện biểu diễn trên sân khấu được 2-3 múa. + Trẻ cơ bản thực hiện được thêm 1-2 bài múa